



TECHNICAL DATA SHEET PHIẾU DỮ LIỆU KỸ THUẬT



SIHE V388 Curing Agent

Chất đóng rắn SIHE V388

Model / Mã sản phẩm: V388

Industrial use only / Chỉ sử dụng trong công nghiệp

Document / Tài liệu	TDS - bilingual English/Vietnamese
Document ID / Mã tài liệu	SIHE-TDS-V388-ENVI-R1
Revision / Phiên bản	1.0
Issue date / Ngày ban hành	2026-08-11
Issued by / Đơn vị phát hành	Sihe International Composite Materials Co., Ltd.

1. Product overview / Tổng quan sản phẩm

English: General-purpose methyl ethyl ketone peroxide (MEKP) curing agent for compatible unsaturated polyester resin systems. It is intended for use with a separately added, compatible cobalt accelerator at room or elevated temperature under a validated process.

Tiếng Việt: Chất đóng rắn methyl ethyl ketone peroxide (MEKP) đa dụng cho các hệ nhựa polyester không no tương thích. Sản phẩm được sử dụng với chất xúc tiến cobalt tương thích, được bổ sung riêng biệt ở nhiệt độ phòng hoặc nhiệt độ cao theo quy trình đã xác nhận.

2. Typical properties / Tính chất điển hình

Property / Chỉ tiêu	Typical value / Giá trị điển hình
Appearance / Ngoại quan	Clear, colorless liquid / Chất lỏng trong suốt, không màu
Total active oxygen / Oxy hoạt tính	9.8-10.0%
Density at 20 C / Khối lượng riêng ở 20 C	1.120 g/cm ³
Flash point / Điểm chớp cháy	37 C, closed cup; ≥ 63 C, open cup
SADT	55 C
Recommended maximum storage / Nhiệt độ lưu trữ tối đa khuyến nghị	25 C
Transport / Vận chuyển	UN 3105, Organic Peroxide Type D, Liquid, Class 5.2

Typical values are not release specifications. / Giá trị điển hình không phải là tiêu chuẩn xuất xưởng.

3. Applications / Ứng dụng

English	Tiếng Việt
- General-purpose GRP and selected non-GRP processing - Laminating resins and castings - Hand lay-up and spray-up FRP - Selected RTM processes after production evaluation	- Gia công GRP đa dụng và một số ứng dụng ngoài GRP - Nhựa cán lớp và sản phẩm đúc - FRP bằng phương pháp đắp tay và phun - Một số quy trình RTM sau khi đánh giá sản xuất

4. Processing guidance / Hướng dẫn gia công

English	Tiếng Việt
Use only with a compatible resin system and under a formulation approved by qualified process personnel. Do not publish or apply a universal dosage ratio. Confirm gel time, cure profile, laminate thickness and shop conditions by production trial.	Chỉ sử dụng với hệ nhựa tương thích và theo công thức được nhân sự kỹ thuật có chuyên môn phê duyệt. Không áp dụng một tỷ lệ sử dụng chung cho mọi hệ. Xác nhận thời gian gel, đường cong đóng rắn, chiều dày sản phẩm và điều kiện xưởng bằng thử nghiệm sản xuất.
Never mix organic peroxide directly with cobalt accelerator. Add each component separately to the resin using the approved sequence and safety procedure.	Không bao giờ trộn trực tiếp peroxide hữu cơ với chất xúc tiến cobalt. Phải bổ sung từng thành phần riêng biệt vào nhựa theo đúng thứ tự và quy trình an toàn đã phê duyệt.

5. Packaging and availability / Đóng gói và cung ứng

30 L HDPE can, 20 kg net / Can HDPE 30 L, khối lượng tịnh 20 kg

Supply region / Khu vực cung ứng: Vietnam and Southeast Asia / Việt Nam và Đông Nam Á.

6. Storage, safety and transport / Lưu trữ, an toàn và vận chuyển

DANGER / NGUY HIỂM	Keep tightly closed in the original container in a cool, dry and well-ventilated place, away from heat, ignition, direct sunlight, combustible materials, reducing agents, acids, alkalis and heavy-metal compounds. Do not cut or weld the container. Use appropriate PPE and explosion-protected ventilation. Transport classification: UN 3105, Organic Peroxide Type D, Liquid, Class 5.2. Request and review the current SDS before acceptance and use.
AN TOÀN	Đóng kín trong bao bì gốc, bảo quản ở nơi mát, khô và thông thoáng, cách xa nguồn nhiệt, nguồn cháy, ánh nắng trực tiếp, vật liệu dễ cháy, chất khử, axit, kiềm và hợp chất kim loại nặng. Không cắt hoặc hàn thùng chứa. Sử dụng PPE phù hợp và hệ thống thông gió chống cháy nổ. Phân loại vận chuyển: UN 3105, Peroxyt hữu cơ Kiểu D, Chất lỏng, Cấp 5.2. Yêu cầu và đọc SDS hiện hành trước khi nhận và sử dụng.

7. Document status and limitation / Tình trạng và giới hạn tài liệu

This SIHE TDS is a customer-selection document derived from current technical and Vietnam-market safety references held by SIHE. It does not replace a certificate of analysis, batch specification, process validation or the legally applicable SDS. Product suitability must be confirmed by the customer before commercial production.

TDS SIHE này là tài liệu hỗ trợ lựa chọn sản phẩm, được xây dựng từ tài liệu kỹ thuật và tài liệu an toàn áp dụng cho thị trường Việt Nam hiện hành do SIHE lưu giữ. Tài liệu không thay thế chứng nhận phân tích, tiêu chuẩn lô hàng, xác nhận quy trình hoặc SDS có giá trị pháp lý. Khách hàng phải xác nhận tính phù hợp trước khi sản xuất thương mại.

SIHE technical contact / Liên hệ kỹ thuật SIHE: +84 326051733 | sales@sihecomposites.com | <https://sihecomposites.com>